

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-PT

Ngày: 06-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tân

Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 111/2017/TLPT-HS ngày 22 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo A do có kháng cáo của bị hại D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2017/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: A, sinh năm: 1992; tên thường gọi: A1; nơi cư trú: tổ x, ấp Y, xã Z, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê và bán vé số; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà B, cha không rõ; anh, chị em ruột 02 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

- Người bào chữa cho bị cáo: ông C là Luật sư Văn Phòng luật sư S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- Bị hại: anh D, sinh năm: 1978. (Có mặt)

Nơi cư trú: tổ xx, ấp TN, xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà B, sinh năm: 1968. (Có mặt)

Nơi cư trú: tổ 02, ấp Y, xã Z, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án G; người làm chứng Q không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 30/01/2017 (mùng 3 tết Nguyên Đán), anh D, ngụ tại tổ xx, ấp TN, xã TL, huyện BT tổ chức nhậu tại chòi dựa ve chai của anh D tại tổ 02, ấp An Khánh, xã Z, huyện BT cùng với anh của anh D là E (Lễ), đến khoảng 09 giờ cùng ngày anh G đến nhậu cùng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh D điện thoại rủ anh Q đến cùng nhậu và kêu anh Q mang theo thùng loa đến để hát karaoke, lúc này anh E có việc nên về trước, trong lúc vừa uống rượu vừa hát karaoke thì đặt thùng loa mở lớn quay ra hướng đường lộ đal (sát vách nhà của bị cáo A), bị cáo A ở trong nhà nghe hát karaoke lớn tiếng trong thời gian dài nên tức giận. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo A đi đến chỗ bàn nhậu của anh D hỏi “nhậu chơi hay nhậu kiếm chuyện?”, anh Q, anh G trả lời “nhậu chơi chứ có kiếm chuyện gì”. Lúc này, bị cáo A kêu vặn thùng loa nhỏ lại hoặc quay loa sang hướng khác thì anh Q vặn loa nhỏ lại và quay mặt trước thùng loa sang hướng bên phải, quay mặt sau thùng loa sang hướng nhà của bị cáo A, bị cáo A bỏ đi ra đường đal cặp mé sông và quay mặt lại thì thấy anh D vặn thùng loa lớn hơn và quay thùng loa trở lại hướng ban đầu, nên bị cáo A tức giận chạy lên nhà lấy một cái búa, loại búa dùng chặt củi cán bằng cây, lưỡi bằng kim loại, có chiều dài 42cm để ở cặp vách nhà trước và chạy đến chỗ bàn nhậu của anh D, được mẹ ruột là bà B ôm lại can ngăn nhưng không can ngăn được. Khi bị cáo A đến bàn nhậu của anh D thì anh Q, anh G bỏ chạy, bị cáo A cầm búa đập bể bàn nhậu, rồi dùng búa chém trúng 01 cái vào hông lưng bên trái của anh D. Anh D chạy đến chòi lấy 01 thanh sắt bằng kim loại dài 120cm, rộng 2,5cm, dày 01cm để đỡ lại, bị cáo A tiếp tục chạy đến cầm được thanh sắt và dùng búa chém trúng anh D thêm 01 cái vào hông lưng bên trái, 01 cái trúng vào ngón tay út của bàn tay trái và 01 cái trúng vào cẳng chân bên trái của anh D gây thương tích. Anh D được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ.

Ngày 18/02/2017, anh D làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo A.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 28/2017/TgT ngày 10 tháng 4 năm 2017, của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Vĩnh Long kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của D như sau: Hai vết thương vùng hông lưng bên trái kích thước 14,5 x 0,5cm và 6,5 x 0,5cm; vết thương ngón 5 bàn tay trái kích thước 1,5x 0,2cm; vết thương mặt trước ngoài 1/3 dưới cẳng chân trái kích thước 7 x 0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 08%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 331/KL-VPYTW ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa đối với A, kết luận:

Về mặt y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay đang sự bị bệnh Tâm căn suy nhược (F48.0-ICD.10)

Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay đang sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2017/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện BT đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo A (A1) phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, điểm b, h, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Z giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Do bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn việc khấu trừ thu nhập để sung quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh D số tiền bằng 9.036.300 đồng (Trong đó bao gồm 70% các khoản: Chi phí đi lại là 900.000 đồng, tiền điều trị thương tích bằng 4.259.361 đồng, tiền ngày công lao động của người bị hại là 6.750.000 đồng, tiền thuê người chăm sóc bị hại 1.000.000 đồng), được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng bị cáo đã bồi thường cho bị hại nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh D số tiền 6.536.300 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 11 năm 2017 bị hại D có đơn kháng cáo với nội dung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc bị cáo A phải bồi thường cho anh D ngày công lao động, tiền viện phí, tiền thuốc và người nuôi bệnh trong lúc anh D nằm viện và sức khỏe của anh D sau này tổng cộng là 44.159.361 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại D trình bày: Yêu cầu bị cáo A và mẹ bị cáo A có trách nhiệm bồi thường tất cả các khoản chi phí là 12.909.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo A và mẹ ruột của bị cáo A bà B đồng ý bồi thường số tiền 12.909.000 đồng theo yêu cầu của ông D.

Người bào chữa cho bị cáo A trình bày: Bị hại D chỉ kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa ông D yêu cầu bồi thường 12.909.000 đồng, phía bị cáo đồng ý nên đề nghị công nhận sự tự nguyện này. Phần bồi thường tăng thêm 3.000.000 đồng so với bản án sơ thẩm, đề nghị ghi nhận đây là tiền tổn thất tinh thần cho ông D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Tại phiên tòa bị cáo A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và lời nhận tội này phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, tang vật thu giữ, lời khai người bị hại; do đó Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo A về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội. Bị cáo A là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải chỉ định người giám hộ cho bị cáo A theo quy định tại Điều 586 của Bộ luật Dân sự nhưng xét thấy trong suốt quá trình điều tra, lấy lời khai, cũng như làm việc với bị cáo A thì Cơ quan điều tra có mời bà B là mẹ bị cáo giám hộ, có luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo A, khi xét xử thì cũng có ý kiến của bà B nên những quyền cơ bản của bị cáo A cũng được đảm bảo, nhưng cũng cần nêu lên để rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm.

Anh D kháng cáo yêu cầu bị cáo A bồi thường các khoản chi phí tổng cộng là 44.159.361 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm anh D chỉ yêu cầu bị cáo A bồi thường các khoản chi phí tổng cộng là 12.909.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm; bị cáo A và bà B là mẹ bị cáo A thống nhất bồi thường số tiền 12.909.000 đồng theo yêu cầu của anh D; xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận và không trái pháp luật; căn cứ vào Điều 3 của Bộ luật Dân sự đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận này. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại D, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng tăng mức bồi thường thiệt hại. Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 104, điểm b, h, n, p khoản 1, khoản 2, Điều 46, Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo A 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, về tội “Cố ý gây thương tích”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Z giám sát và giáo dục. Miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 3, 585, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bị cáo và bà B bồi thường cho anh D tổng số tiền 12.909.000 đồng, khấu trừ 2.500.000 đồng bị cáo đã nộp còn lại phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.409.000 đồng. Bị cáo A được miễn án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí

dân sự sơ thẩm, phúc thẩm vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào ngày 30/01/2017 bị cáo A có hành vi dùng búa chém anh D gây thương tích 8%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo A về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh D yêu cầu bị cáo A phải bồi thường các khoản chi phí là 12.909.000 đồng; bị cáo A và mẹ ruột bị cáo A là bà B đồng ý bồi thường 12.909.000 đồng theo yêu cầu của anh D. Việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo A, mẹ ruột bị cáo A và anh D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được ghi nhận.

[3] Trước, trong, sau ghi gây án và hiện nay bị cáo A là người bị hạn chế về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, trong quá trình xét xử sơ thẩm, lẽ ra cấp sơ thẩm phải xác định mẹ bị cáo A là đại diện hợp pháp cho bị cáo A, nhưng cấp sơ thẩm đã xác định mẹ của bị cáo A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chưa chính xác, cần phải rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí: Do gia đình bị cáo A thuộc diện hộ nghèo, nên bị cáo A được miễn khấu trừ thu nhập và miễn án phí.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị hại D; sửa Bản án sơ thẩm số 24/2017/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện BT.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104, điểm b, h, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, về tội “Cố ý gây thương tích”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Z giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập để sung quỹ nhà nước đối với bị cáo A.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo A và bà B với anh D: Buộc bị cáo A và bà B có trách nhiệm bồi thường cho anh D tổng cộng các khoản chi phí là 12.909.000 đồng (mười hai triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng), khấu trừ 2.500.000 đồng bị cáo A đã bồi thường; bị cáo A và bà B còn phải bồi thường cho anh D số tiền 10.409.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND HBT: 01;
- VKSND + CQĐT HBT: 02;
- CQTHADS HBT: 02;
- CQTHAHS: 01;
- TG + BC: 02;
- NKC, NLQ: 02;
- PHSCAVL, STP: 02;
- UBND, CA xã Z: 02;
- Lưu VP, lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Duyên

